

**BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
NGỮ PHÁP HỌC TIẾNG TRUNG QUỐC**

Số tín chỉ: 03

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Ngôn ngữ Trung Quốc

Năm 2016

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành: Ngôn ngữ Trung Quốc

- Tên học phần:** Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc
- Mã học phần:** TQUOC 411
- Số tín chỉ:** 3 (3,0)
- Trình độ:** Sinh viên Đại học năm thứ 3 (kỳ II)
- Phân bổ thời gian:**
 - Lý thuyết: 45 tiết
 - Tự học: 90 giờ
- Điều kiện tiên quyết:** Học sau học phần Từ vựng học tiếng Trung Quốc
- Giảng viên:**

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Nguyễn Thị Hoa	0988.900.158	nguyenhua11180@gmail.com
2	ThS. Nguyễn Thị Lan	0914.772.563	lannguyen178@gmail.com
3	ThS. Bùi Thị Trang	0978.693.593	trangbui175@gmail.com
4	ThS. Nguyễn Thị Xuyên	0988.964.751	ruanshichuan89@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

- Học phần Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc gồm 7 chương, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản sau:

- Khái quát về đặc điểm ngữ pháp tiếng Trung hiện đại; hệ thống, tính chất và đơn vị của ngữ pháp; từ, phân loại từ, xác định tiêu chí phân loại từ, đặc điểm ngữ pháp của các loại từ và cách vận dụng, trong đó tập trung đi sâu vào miêu tả, nghiên cứu nghiên cứu các vấn đề về từ loại tiếng Trung (thực từ và hư từ); đặc điểm câu và các thành phần câu, tiêu chí phân loại câu; các phương pháp phân tích ngữ pháp, hình thức tổ hợp của từ và kết cấu cú pháp, các loại mô hình câu, đặc điểm ngữ pháp về câu đơn và câu phức.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo được trình bày theo bảng sau:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	Kiến thức		
MT1.1	- Phân biệt, nhận dạng được từ loại trong các cụm từ, các loại câu đơn. - Phân biệt, nhận dạng được các loại câu đơn và câu phức. - Xác định được các thành phần câu trong câu.	2	[1.2.1.2.b]
MT1.2	Trình bày được định nghĩa, phân loại và đặc điểm của danh từ, hình dung từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ; đặc điểm ngữ pháp của các cụm từ; đặc điểm ngữ pháp của các loại câu và mô hình câu, đặc điểm ngữ pháp của các thành phần câu, đặc điểm ngữ pháp của câu đơn, đặc điểm ngữ pháp của câu phức.	3	[1.2.1.2.b]
MT2	Kỹ năng		
MT2.1	Trình bày được đặc điểm ngữ pháp cơ bản của các từ loại, các cụm từ, các loại câu đơn, các loại câu phức.	3	[1.2.2.1]
MT2.2	Viết câu, đoạn văn, bài văn đúng văn phong tiếng Trung Quốc.	4	[1.2.2.1]
MT3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công.	3	[1.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra của học phần

Sự phù hợp của chuẩn đầu ra của học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CDR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bố CDR học phần trong CTĐT
CDR1	Kiến thức		
CDR1.1	- Phân biệt, nhận dạng được từ loại của từ trong các cụm từ, các loại câu đơn. - Xác định được các thành phần câu trong câu. - Phân biệt, nhận dạng được các loại câu đơn và các cặp liên từ nối trong từng dạng câu phức.	3	[2.1.4]
CDR1.2	Trình bày được định nghĩa, phân loại và đặc điểm ngữ pháp của danh từ, hình dung từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ; đặc điểm ngữ pháp của các cụm từ, các loại câu và mô hình câu, các thành phần câu, câu đơn và câu phức.	3	[2.1.4]
CDR2	Kỹ năng		
CDR2.1	Trình bày được đặc điểm ngữ pháp cơ bản của các từ loại, các cụm từ, các loại câu đơn, các loại câu phức.	4	[2.2.2]
CDR2.2	Viết câu, đoạn văn, bài văn đúng văn phong tiếng Trung Quốc.	4	[2.2.2]
CDR3	Mức tự chủ và trách nhiệm		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[2.3.3]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.3]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần					
		CDR1		CDR2		CDR3	
		CDR 1.1	CDR 1.2	CDR 2.1	CDR 2.2	CDR 3.1	CDR 3.2
1	第一章：词和词类（上） 第一节：词及其构造 1.1.1. 字、词素和词 1.1.2. 词的构造 第二节：词类概说 1.2.1. 什么是词类 1.2.2. 词类划分的标准 1.2.3. 词类的作用	x	x	x	x	x	x

	1.2.4. 兼类 1.2.5. 词类的层次						
2	第一章：词和词类（上） 第三节：名词 1.3.1. 名词的语法特点 1.3.2. 名词的类型 1.3.3. 时间名词 1.3.4. 处所名词 1.3.5. 方位名词 第四节：形容词 1.4.1. 形容词的语法特点 1.4.2. 形容词的分类 1.4.3. 形容词的重叠	X	X	X	X	X	X
3	第一章：词和词类（上） 第五节：动词 1.4.1. 动词的语法特点 1.4.2. 动词的分类 1.4.3. 动词的重叠	X	X	X	X	X	X
4	第二章：词和词类（下） 第一节：代词 2.1.1. 名类代词概述 2.1.2. 代词的虚指问题 2.1.3. 代词被修饰 第二节：数词和量词 2.2.1. 数词 2.2.2. 量词 2.2.3. 量词的量叠 2.2.4. 数词+形容词+量词 第三节：副词 2.3.1. 副词的语法特点 2.3.2. 副词的分类	X	X	X	X	X	X
5	第二章：词和词类（下） 第四节：介词 2.4.1. 介词的语法特点 2.4.2. 介词与连词界限 2.4.3. 介词的分类 第五节：连词 2.5.1. 连词的语法特点 2.5.2. 连词的分类 第六节：助词 2.6.1. 助词的语法特点 2.6.2. 助词的范围与分类	X	X	X	X	X	X

6	第三章：词的组合与句法结构 第一节：词组概述 3.1.1. 词和词组界限 3.1.2. 词组的构成 3.1.3. 自由词组和固定词组 第二节：句法结构 3.2.1. 什么是句法结构 3.2.2. 句法结构类型	X	X	X	X	X	X
7	第三章：词的组合与句法结构 第三节：词组的功能类 3.3.1. 名词词组 3.3.2. 动词词组 3.3.3. 形容词词组 3.3.4. 副词词组 3.3.5. 介词词组 第四节：词的组合歧义 3.4.1. 词组的层次性与层次分析 3.4.2. 组合歧义	X	X	X	X	X	X
8	第四章：句子与句子成分（上） 第一节：句子概说 4.1.1. 句子定义 4.1.2. 句子的分类 4.1.3. 句子和词组 第二节：句子的构成与分析 4.2.1. 句子是怎样构成的 4.2.2. 句子分析的目的	X	X	X	X	X	X
9	第四章：句子与句子成分（上） 第三节：主语和谓语 4.3.1. 主语、谓语概说 4.3.2. 可充当主语的词语 4.3.3. 主语的特点 4.3.4. 可先当谓语的词语 第四节：宾语 4.4.1. 宾语的定义 4.4.2. 动词和宾语间的语义关系 4.4.3. 宾语的类型 4.4.4. 宾语的特点	X	X	X	X	X	X
10	第五章：句子与句子成分（下） 第一节：定语和状语 5.1.1. 定语—名词的修饰语 5.1.1.1. 定语和状语的关系 5.1.1.2. 充当定语的词语	X	X	X	X	X	X

	<p>5.1.2. 状语—动词/形容词/句子的修饰语</p> <p>5.1.1.3. 定语与“的”</p> <p>5.1.1.4. 多项定语的排序</p> <p>5.1.1.5. 定中词组与句子的转换</p> <p>5.1.1.6. 伪定语</p> <p>5.1.2. 状语—动词/形容词/句子的修饰语</p> <p>5.1.2.1. 充当状语的词语</p> <p>5.1.2.2. 状语的类型与“地”</p> <p>5.1.2.3. 多项状语的排序</p> <p>5.1.2.4. 状语的语义指向</p>						
11	<p>第五章:句子与句子成分（下）</p> <p>第二节: 补语</p> <p>5.2.1. 补语概说</p> <p>5.2.2. 补语和宾语的关系</p> <p>5.2.3. 可以充当补语的词语</p> <p>5.2.4. 补语的类型</p> <p>5.2.5. 补语的语义指向</p> <p>第三节: 句外成分</p> <p>5.3.1. 什么是句外成分</p> <p>5.3.2. 句外成分的类型</p>	x	x	x	x	x	x
12	<p>第六章: 句类</p> <p>第一节: 句类概说</p> <p>6.1. 句类概说</p> <p>6.2. 陈述句</p> <p>6.3. 疑问句</p> <p>6.4. 祈使句</p> <p>6.5. 感叹句</p> <p>6.6. 句类的联系</p>	x	x	x	x	x	x
13	<p>第七章 句子的组合—复句</p> <p>第一节: 复句概说</p> <p>7.1.1. 什么是复句</p> <p>7.1.2. 复句和单句</p> <p>7.1.3. 复句的连接方式</p> <p>7.1.4. 复句的类型</p> <p>第二节 联合复句</p> <p>7.2.1. 并列复句</p> <p>7.2.2. 选择复句</p> <p>7.2.3. 递进复句</p> <p>7.2.4. 连贯复句</p> <p>7.2.5. 解说复句</p>	x	x	x	x	x	x

14	第七章 句子的组合—复句 第三节 偏正复句 7.3.1. 因果复句 7.3.2. 目的复句 7.3.3. 条件复句 7.3.4. 假设复句 7.3.5. 转折复句	x	x	x	x	x	x
----	---	---	---	---	---	---	---

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá
CĐR1	Bài tập thực hành lý thuyết trong giờ học, bài kiểm tra thường xuyên
CĐR2	Bài tập thực hành lý thuyết trong giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Hoàn thành các bài tập thực hành lý thuyết trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, tham gia nghiên cứu tài liệu. - Hoàn thành các bài tập được giao.	1 điểm	10%	
		1 điểm	10%	
2	Kiểm tra giữa học phần	01 Bài kiểm tra giữa học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	30%	
3	Thi kết thúc học phần	01 Bài thi kết thúc học phần Hình thức: Tự luận Thời gian: 90 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên là điểm đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học và mức độ hoàn thành bài tập trên lớp và giao về nhà.

- Điểm các bài tập thực hành lý thuyết được đánh giá theo mức đúng sai, trả lời câu hỏi, điền từ thích hợp vào chỗ trống.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức tự luận. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Nội dung kiểm tra giữa học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần.

- + Chọn đáp án đúng hay sai.
 - + Chọn đáp án đúng ABCD.
 - + Điền từ cho sẵn vào vị trí thích hợp
 - + Điền từ còn thiếu vào vị trí cho sẵn
- Điểm chấm được đánh giá theo đáp án của đề.

- Thi kết thúc học phần diễn sau khi kết thúc học phần (theo kế hoạch của phòng QLĐT). Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn chọn một cách ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi đã được nghiệm thu và được in sao đề tại phòng QLCL và đóng dấu niêm phong. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm ngay trên giấy thi theo quy định chung của nhà trường. Nội dung thi kết thúc học phần gồm một trong các dạng câu dưới đây và tương ứng với kiến thức đã học trong học phần về phân từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp.

- + Chọn đáp án đúng hay sai.
- + Chọn đáp án đúng ABCD.
- + Điền từ cho sẵn vào vị trí thích hợp
- + Điền từ còn thiếu vào vị trí cho sẵn
- + Chỉ rõ quan hệ kết cấu cú pháp
- + Chỉ rõ loại hình câu phức
- + Trả lời câu hỏi

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

- Tại lớp học lý thuyết, giảng viên đặt ra các vấn đề, hướng dẫn và kích thích sinh viên tìm cách giải quyết vấn đề. Các cá nhân sinh viên đại diện nhóm trình bày những kiến thức hiểu biết về nội dung bài học được giảng viên giao bằng powerpoint đã chuẩn bị trước ở nhà; sau đó giảng viên nêu và tóm tắt nội dung chính của bài học. Giảng viên trình bày phân tích đặc điểm của các hiện tượng ngữ pháp, sau đó đưa ra các hoạt động thực hành kiến thức tại lớp phát huy tính tích cực, chủ động và sáng tạo của sinh viên, đồng thời đưa ra các câu hỏi để đánh giá khả năng nhận thức và giải đáp các câu hỏi của sinh viên liên quan đến bài học. Sinh viên cần lắng nghe, ghi chép bài và được khuyến khích tích cực tham gia các hoạt động thực hành dưới sự hướng dẫn của giảng viên.

- Giao nhiệm vụ cụ thể về nhà, có kiểm tra đánh giá trực tiếp trên lớp hoặc qua địa chỉ Gmail của giảng viên, của lớp.

- Giảng viên quan tâm tới việc hình thành và phát triển kỹ năng cho sinh viên theo cấp độ từ Nhớ - Biết - Vận dụng - Phân tích - Đánh giá - Sáng tạo, quan tâm tới công tác hướng dẫn, đánh giá thường xuyên và tổ chức lớp học hiệu quả. Đối với sinh viên tích cực, chủ động nắm bắt kiến thức lý thuyết để vận dụng và phát triển kỹ năng hội thoại, giao tiếp bằng tiếng Trung trong việc thực hiện nhiệm vụ do giảng viên yêu cầu, đồng thời sinh viên phải thể hiện được tính kiên trì, tỉ mỉ và tuân thủ các quy tắc giao tiếp, tôn trọng nền văn hóa bản địa và nền văn hóa Trung Hoa. Chủ động tiếp cận các phương pháp học trực tuyến với sự trợ giúp của máy tính trong giờ tự học ở nhà.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu có liên quan đến bài học: Khái quát về từ, đặc điểm từ và cấu tạo từ, danh từ, hình dung từ, động từ, tính từ, số từ, lượng từ, phó từ, giới từ, liên từ, trợ từ; đặc điểm ngữ pháp của cụm từ; đặc điểm đặc điểm ngữ pháp của các thành phần câu, đặc điểm ngữ pháp của câu đơn, đặc điểm ngữ pháp của câu phức.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập trong giáo trình và nhiệm vụ giảng viên yêu cầu có liên quan đến nội dung bài học, tích cực tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học, ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và thi cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học phần:

*** Tài liệu bắt buộc:**

[1] Trường Đại học Sao Đỏ, Giáo trình *Ngữ pháp học tiếng Trung Quốc*

*** Tài liệu tham khảo:**

[2] Lưu Nguyệt Hoa, *Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại* (quyển thượng), NXB Văn hóa thông tin, năm 2004

[3] Lưu Nguyệt Hoa, *Ngữ pháp thực hành tiếng Hán hiện đại* (quyển hạ), NXB Văn hóa thông tin, năm 2004

[4] Trương Văn Giới - Lê Khắc Kiều Lục, *现代汉语语法教程*, NXB Khoa học xã hội, năm 2008

[5] **Website:** <http://www.dantiengtrung.com>
<http://tienghoa.net>

15. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
1	<p>第一章：词和词类（上）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm về chữ, từ tố, từ và từ loại. - Trình bày được đặc điểm, phương thức cấu tạo từ đơn và từ ghép. - Trình bày được tiêu chí phân loại từ và tác dụng của việc phân loại. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一节：词及其构造</p> <p>第二节：词类概说</p>	3		[1] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 1- 13 tài liệu [1] Tiết 1, 2 Chương 3 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p>
2	<p>第一章：词和词类（上）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp, tiêu chí phân loại của danh từ và hình dung từ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第三节：名词</p> <p>第五节：形容词</p>	3		[1] [2] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 14 - 19, 36 - 40 tài liệu [1] Chương 1, 5 tài liệu [2] Tiết 3,5 Chương 3 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập:</p> <p>Chương 1,5 phần 2 tài liệu [2]</p>
3	<p>第一章：词和词类（上）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp, tiêu chí phân loại và hình thức lặp lại của động từ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第四节：动词</p>	3		[1] [2] [3] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 20 - 35 tài liệu [1] Chương 4 tài liệu [2] Tiết 4 Chương 3 tài liệu [3] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập:</p> <p>Chương 4 phần 2 tài liệu [2]</p>

					Trang 111-115 tài liệu [3]
4	<p>第二章：词和词类（下）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp, tiêu chí phân loại của đại từ, số từ và lượng từ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>第一节：代词 第二节：数词和量词 第三节：副词</p>	3		[1] [2] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 41 - 53 tài liệu [1] Chương 2,3,6 tài liệu [2] Tiết 1,2,3 Chương 4 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p>
5	<p>第二章：词和词类（下）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của giới từ, liên từ và trợ từ. -Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第四节：介词 第五节：连词 第六节：助词</p>	3		[1] [2] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 54 - 60 tài liệu [1] Chương 7,8,9 tài liệu [2] Tiết 4,5,6 Chương 4 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập: Chương 7,8,9 phần 2 tài liệu [2] Trang 152 -157 tài liệu [4]</p>
6	<p>第三章：词的组合与句法结构</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, cấu tạo về cụm từ. - Xác định được ranh giới giữa từ và cụm từ. - Phân biệt được cụm từ tự do và cụm từ cố định. - Liệt kê được tên gọi các kết cấu cú pháp trong Tiếng Hán. - Trình bày được đặc điểm ngữ pháp của các kết cấu cú pháp trong Tiếng Hán. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一节：词组概述 第二节：句法结构</p>	3		[1] [4] [5]	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 61- 69 tài liệu [1] Tiết 1,2 Chương 5 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p>

7	<p>第三章：词的组合与句法结构</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được chức năng ngữ pháp của các cụm từ. - Trình bày được đặc điểm về tính tầng thứ và phân tích tầng thứ của cụm từ. - Xác định được ý nghĩa khác nhau của một cụm từ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第三节：词组的功能类</p> <p>第四节：词的组合歧义</p>	3		<p>[1]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 70 - 77 tài liệu [1]</p> <p>Tiết 3,4 Chương 5 TL [4]</p> <p>Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập:</p> <p>Trang 186 -189 TL [4]</p>
8	Kiểm tra giữa học phần	3		[1]	<p>- Ôn tập nội dung từ chương 1 đến chương 3</p> <p>- Làm bài kiểm tra giữa học phần</p>
9	<p>第四章：句子与句子成分（上）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được định nghĩa về câu, tiêu chí phân loại câu, tiêu chí phân biệt câu và cụm từ, mục đích của việc phân tích câu, phương pháp phân tích câu. - Liệt kê được tên gọi các của thành phần cấu tạo câu. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第一节：句子概说</p> <p>第二节：句子的构成与分析</p>	3		<p>[1]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 79 - 90 tài liệu [1]</p> <p>Tiết 1,2 Chương 6 tài liệu [4]</p> <p>Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p>
10	<p>第四章：句子与句子成分（上）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm và đặc điểm của thành phần chủ ngữ, vị ngữ và tân ngữ. - Trình bày được các 	3		<p>[1]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 91- 99 tài liệu [1]</p> <p>Chương 1, 2 tài liệu [3]</p> <p>Tiết 3,4 Chương 6 tài liệu [4]</p> <p>Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p>

	<ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được những từ ngữ có thể đảm nhiệm vai trò chủ ngữ, vị ngữ và tân ngữ. - Liệt kê được các loại tân ngữ. - Trình bày được mối quan hệ ngữ nghĩa của động từ và tân ngữ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể: 第三节：主语和谓语 第四节：宾语</p>				<p>- Hoàn thành : Bài tập Chương 1,2 phần 3 tài liệu [3]</p>
11	<p>第五章：句子与句子成分（下）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của thành phần định ngữ và trạng ngữ. - Liệt kê được những từ ngữ có thể đảm nhiệm vai trò định ngữ và trạng ngữ. - Trình bày được mối quan hệ giữa định ngữ và trạng ngữ. - Xác định được vị trí của từng loại định ngữ, trạng ngữ có cùng trung tâm ngữ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể: 第一节：定语和状语</p>	3		<p>[1] [2] [3] [4] [5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 100- 112 tài liệu [1] Chương 3,4 tài liệu [3] Tiết 1 Chương 7 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập: Chương 3,4 tài liệu [2]</p>
12	<p>第五章：句子与句子成分（下）</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Liệt kê được những từ ngữ có thể đảm nhiệm vai trò bổ ngữ và tên các loại bổ ngữ. - Trình bày được được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của của các loại bổ ngữ. - Trình bày được mối quan hệ giữa bổ ngữ và tân ngữ. - Trình bày được khái niệm về thành phần ngoài câu và các 	3		<p>[1] [3] [4] [5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển: Trang 113- 127 tài liệu [1] Chương 5 tài liệu [3] Tiết 2,3 Chương 7 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành : Bài tập Chương 5 phần 3 tài liệu [3]</p>

	loại hình của nó. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. Nội dung cụ thể: 第二节: 补语 第三节: 句外成分				
13	第六章: 句类 Mục tiêu: - Trình bày được khái niệm và đặc điểm ngữ pháp của các loại câu chia theo hình thức. - Trình bày được khái niệm và đặc điểm ngữ pháp của các loại câu chia theo chức năng ngữ pháp. - Xác định được các kiểu câu có thể hoán đổi. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. Nội dung cụ thể: 6.1 句类概说 6.2 陈述句 6.3 疑问句 6.4 祈使句 6.5 感叹句 6.6 句类的联系	3		[1] [3] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 128 - 143 tài liệu [1] Chương 8 tài liệu [3] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5] - Hoàn thành bài tập: Chương 8 tài liệu [4]
14	第七章 句子的组合—复句 Mục tiêu: - Trình bày được khái niệm, phương thức nối kết câu phức. - Phân biệt được sự khác nhau giữa câu đơn và câu phức. - Liệt kê được các loại hình câu phức. - Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của câu phức đẳng lập. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. Nội dung cụ thể: 第一节 复句概说 第二节 联合复句	3		[1] [3] [4] [5]	- Đọc và tra từ điển: Trang 143 -149 tài liệu [1] Trang 421 - 425 tài liệu [3] Tiết 1,2 Chương 9 tài liệu [4] Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5] - Hoàn thành bài tập: Chương 1 phần 5 tài liệu [3]

15	<p>第七章 句子的组合—复句</p> <p>Mục tiêu:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được khái niệm, đặc điểm ngữ pháp của câu phức chính phụ. - Vận dụng kiến thức lý thuyết trong bài để làm các bài tập. <p>Nội dung cụ thể:</p> <p>第三节 偏正复句</p>	3		<p>[1]</p> <p>[3]</p> <p>[4]</p> <p>[5]</p>	<p>- Đọc và tra từ điển:</p> <p>Trang 150 - 155 tài liệu [1]</p> <p>Trang 426 - 433 tài liệu [3]</p> <p>Tiết 3 Chương 9 tài liệu [4]</p> <p>Tìm tài liệu tham khảo liên quan đến nội dung bài học tài liệu [5]</p> <p>- Hoàn thành bài tập:</p> <p>Trang 436 - 438 tài liệu [3]</p>
16	Ôn thi kết thúc học phần			[1]	<ul style="list-style-type: none"> - Ôn tập kiến thức từ chương 1 đến chương 7 trong học phần - Hoàn thành đề cương ôn tập và các nội dung được giao. - Thi kết thúc học phần

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



TS. Phí Đăng Tuệ

TRƯỞNG KHOA

Hoàng Đức Đoàn

TRƯỞNG BỘ MÔN

Trịnh Thị Chuyên